

Số : 190 /2004/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 ;
- Căn cứ Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Căn cứ Thông tư Liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định 67/2003/NĐ-CP của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Căn cứ Quyết định số 57/2001/QĐ-UB ngày 05 tháng 7 năm 2001 của ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình chống ngập và xử lý môi trường nước thành phố, giai đoạn 2001-2005 ;
- Căn cứ Nghị quyết số 14/2004/NQ-HĐ ngày 16 tháng 7 năm 2004 của Hội đồng nhân dân thành phố kỳ họp thứ 2 - Khóa VII về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2004 ;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3421/TC-ĐTSC ngày 14 tháng 6 năm 2004 ; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3918/TNMT-CCMT ngày 28 tháng 6 năm 2004 ;

quyết định

Điều 1.- Thực hiện việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố như sau:

1.1- Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

a- Đối tượng chịu phí: nước thải sinh hoạt thải ra môi trường của các hộ gia đình, đơn vị, tổ chức không phân biệt nguồn nước sử dụng được mua của các đơn vị cung cấp nước sạch hay tự khai thác để sử dụng ở những nơi đã có mạng lưới cung cấp nước sạch đều phải chịu phí. Ngoại trừ nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình ở các địa bàn sau không thuộc đối tượng chịu phí và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

- Các hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt ở những khu vực thuộc đối tượng được hưởng chế độ bù giá nước quy định tại các Quyết định của ủy ban nhân dân thành phố.

- Các hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch, cụ thể là các khu vực chưa có mạng lưới cấp nước của Công ty Cấp nước thành phố và Công ty Khai thác - Xử lý nước ngầm thành phố, chưa có hệ thống cấp nước sạch của Chương trình UNICEF, Chương trình nước sinh hoạt nông thôn và các tổ chức có chức năng sản xuất kinh doanh nước sạch.

b- Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 250 đồng/m³ nước sử dụng đối với đối tượng hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt trong định mức 4 m³/người/tháng; mức thu phí là 400 đồng/m³ đối với các đối tượng còn lại và nước sinh hoạt sử dụng vượt định mức.

c- Đơn vị chịu trách nhiệm thu phí:

- Đơn vị cung cấp nước sạch: tổ chức thu phí của các đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đồng thời với việc thu tiền sử dụng nước sạch của các khách hàng.

- Ủy ban nhân dân phường-xã: xác định đối tượng phải thu hoặc được miễn thu và thực hiện thu phí đối với các đối tượng tự khai thác nước để sử dụng thuộc diện phải nộp phí.

1.2- Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thải ra môi trường từ các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản trên địa bàn thành phố; đối tượng thu phí, phương thức thu phí và mức thu phí cụ thể theo đúng quy định tại Thông tư Liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngoại trừ nước thải từ hệ thống xử lý nước rỉ rác tại các bãi xử lý rác và từ các hệ thống thoát nước công cộng do ngân sách thành phố thanh toán chi phí xử lý nước thải không thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

1.3- Toàn bộ số thu về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sẽ được chuyển vào tài khoản tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gửi tại Kho bạc nhà nước thành phố do Sở Tài chính làm chủ tài khoản và được sử dụng cho nhu cầu duy tu bảo dưỡng hệ thống thoát nước, hoàn trả một phần vốn và lãi vay các dự án ODA lĩnh vực vệ sinh môi trường, đầu tư phát triển hệ thống thoát nước và bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố theo đúng quy định.

Điều 2.- Nhiệm vụ của các đơn vị:

2.1- Sở Tài chính chủ trì phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các doanh nghiệp cung cấp nước sạch, quận huyện phường xã, các cơ sở sản xuất và các hộ gia đình trên địa bàn thành phố áp dụng và thực hiện việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố, đảm bảo việc thu phí được đồng bộ, thuận lợi, hợp lý và phù hợp quy định.

2.2- Cục Thuế thành phố hướng dẫn về phát hành và sử dụng biên lai thu phí cho trường hợp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do ủy ban nhân dân phường, xã đảm nhiệm.

2.3- Kho bạc Nhà nước thành phố hướng dẫn các đơn vị có nhiệm vụ thu phí về thủ tục mở tài khoản tạm giữ và thủ tục thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

2.4- Ủy ban nhân dân các quận-huyện phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thu phí đối với các đối tượng phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn.

2.5- Ban Quản lý các Khu chế xuất - Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thu phí đối với các đối tượng phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở sản xuất trong Khu chế xuất, Khu công nghiệp.

2.6- Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí chịu trách nhiệm thu nộp đúng và đầy đủ các khoản thu quy định tại Điều 1. Nguồn thu phí này của các đơn vị cung cấp nước sạch không thuộc doanh thu kinh doanh, Cục Thuế không lập thủ tục thu thuế đối với nguồn thu trên.

2.7- Mức phí để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch là 1% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt mà đơn vị thu được; mức phí để lại cho ủy ban nhân dân xã, phường là 15% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do ủy ban nhân dân xã, phường thu được. Số phí để lại này được sử dụng để trang trải chi phí cho việc tổ chức thu phí; các đơn vị cung cấp nước sạch và ủy ban nhân dân xã, phường phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định.

2.8- Mức phí để lại và quản lý sử dụng số phí để lại của trường hợp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp: thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư Liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường, được Liên Sở Tài chính - Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện.

Điều 3.

- Việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2004, thay thế việc thu tiền thoát nước quy định tại các Quyết định số 10/2001/QĐ-UB ngày 09 tháng 02 năm 2001 và Quyết định số 6152/QĐ-UB ngày 25 tháng 9 năm 2001 của ủy ban nhân dân thành phố.

- Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường để có hướng dẫn, quy định cụ thể về thời điểm thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa

bàn thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Thủ trưởng các sở-ban-ngành thành phố, Chủ tịch ủy ban nhân dân các quận-huyện, phường-xã, Giám đốc các đơn vị cung cấp nước sạch, Giám đốc Công ty Cấp nước thành phố và các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- Như điều 4
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Bộ Tài chính
- Thường trực Thành ủy
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố
- Thường trực ủy ban nhân dân thành phố
- ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố
- Các Đoàn thể thành phố
- Văn phòng Thành ủy
- Các Ban Thành ủy.
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố
- Các Báo, Đài (để đưa thông tin và tuyên truyền)
- VPHĐ-UB : các PVP, các Tổ NCTH, ĐT(3bản)
- Lưu (ĐT-Th)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Đua